TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ. H** **TỈNH K. T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 26-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà Lê Thị Nh

2./ Bà Phạm Thị Gi

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Vũ Đức H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh X - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST- HS ngày 06 tháng 02 năm 2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

A S, sinh ngày 21/7/2005 tại tỉnh K. T. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Klâu Ng. Ng, xã Ia Ch, Tp. K. T, tỉnh K. T. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Gia Rai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A D, sinh năm 1980 và bà Y T, sinh năm 1980. Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo là con thứ 04 trong gia đình có 06 anh, chị, em ruột. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/6/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố K. T xử phạt 12 (*mười hai*) tháng tù về tội *"Trộm* cắp tài sản". Ngày 09/4/2023 bị cáo A S chấp hành xong hình phạt, tính đến ngày ngày 22/11/2023 bị cáo chưa hết thời hạn 01 năm. Nhưng do bị cáo là người dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự bị cáo A S không có án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh A Q, sinh năm 2004.
Địa chỉ: Thôn Kon Gu I, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Duy T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ. C, thành phố K. T, tỉnh K. T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 22/11/2023, A S *(sinh năm: 21/7/2005, trú tại: thôn Klâu Ng. Ng, xã Ia Ch, thành phố K. T, tỉnh K. T)* đi từ nhà tại thôn Klâu Ng. Ng, xã Ia Ch đến xã Ng. W, huyện Đ. H với mục đích đi tìm tài sản của người dân sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực rẫy cao su thuộc thôn Kon Gu I, xã Ng. W, A S phát hiện 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen đỏ của A Q *(sinh năm: 16/7/2004, trú tại thôn Kon Gu I, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T)* đang dựng trong lô cao su không có người trông coi, A S đã lén lút đi tới vị trí chiếc xe mô tô trên tháo nối dây điện ổ khóa xe rồi đạp nổ máy và điều khiển xe về nhà tại thôn Klâu Ng. Ng, xã Ia Ch, thành phố K. T, tỉnh K. T. Ngày 28/11/2023, A S điều khiển xe mô tô trên đến tiệm sửa xe anh Trương Duy T *(Sinh ngày: 22/11/1981; trú tại thôn 5, xã Đ. C, thành phố K. T, tỉnh K. T)* tại thôn 5, xã Đ. C, thành phố K. T, tỉnh K. T để sửa xe. Do chưa có tiền để lấy xe nên A S vẫn để chiếc xe mô tô trên tại tiệm sửa xe của anh T. Ngày 05/12/2023 A Q, làm đơn trình báo vụ việc trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của A Q Cơ quan sát điều tra Công an huyện Đ. H xác định được A S đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐG, ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Đ. H kết luận: 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen đỏ có giá trị là: 7.166.667đ *(Bảy triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).*

Ngày 05/12/2023, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh A Q làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSĐH ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T truy tố bị cáo A S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H phát biểu lời luận tội đối với bị cáo A S. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố: Bị cáo A S phạm tội "*Trộm cắp tài sản".*

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **A S** mức án từ 12 (*Mười hai*) tháng đến 15 (*Mười năm*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Hoàn trả lại cho anh A Q 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

Ngoài ra, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo A S thành khẩn khai nhận tòa bộ hành vi phạm tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Bị hại A Q xin HĐXX được nhận lại xe mô tô đã bị trộm cắp và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về mặt trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ. H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội*:

Tại phiên tòa, bị cáo A S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội thể hiện;

Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo A S đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên ngày 22/11/2023, sau khi tới thôn Kon Gu I, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T, bị cáo A S đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh A Q để tại lô cao su không có người trông coi. Kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐG, ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ. H kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen đỏ có giá trị là 7.166.667đ *(Bảy triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).* Hành vi đó của bị cáo A S đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm thực hiện hành vi tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo gây nguy hại cho xã hội, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự chính trị tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo*:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo A S không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A S đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp cũng đã được cơ quan điều tra thu hồi. Tại phiên toà bị hại A Q không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về phần tránh nhiệm dân sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy, Đây là vụ án "*Trộm cắp tài sản*" có tính chất giản đơn. Hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn nhưng đã gây hoang mang bất bình trong dư luận quần chúng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo lại là người có nhân thân xấu. Ngày 02/6/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố K. T xử phạt 12 (*mười hai*) tháng tù về tội *"Trộm* cắp tài sản". Ngày 09/4/2023 bị cáo A S chấp hành xong quyết định trên, tính đến ngày ngày 22/11/2023 bị cáo chưa hết thời hạn 01 năm. Nhưng do bị cáo là người dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự. bị cáo A S không có án tích. Tuy đã được giáo dục pháp luật và phải chấp hành bản án trước đó nhưng bị cáo không coi đó làm bài học cho bản thân mà tại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo thấp.

Do đó, HĐXX xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra và tại phiên toà người bị hại chỉ xin được nhận lại tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[7] *Về vật chứng của vụ án*: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ. H đã tiến hành thu giữ: 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

Qua xác minh của cơ quan cảnh sát điều tra chiếc xe này có BKS 59Z1-05977 nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ là của chị Phạm Thị Cẩm V

đăng ký thường trú tại 103/5 ấp 3, H. Ph, huyện Nh. B, thành phố H. Ch. M. Qua làm việc với chị Vân thì chị Vân khai đã bán chiếc xe này cho người khác với giá 5.000.000 đ quá trình bán chị không viết giấy tờ mua bán.

Theo anh A Q khai nhận chiếc xe môtô trên là do anh mua lại của một cửa hàng mua bán xe máy trên địa bàn thành phố K. T với giá 10.500.000 đ nhưng anh không nhớ quán ở đâu và giấy tờ mua bán anh đã làm mất. Tại phiên toà hôm nay, anh A Q có yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô này. HĐXX xét thấy, mặt dù chưa có giấy tờ chứng minh chủ sở hữu chiếc xe mô tô này là của ai. Nhưng xác định được anh A Q là người cuối cùng sở hữu chiếc xe. Do đó, việc anh yêu cầu được nhận lại tài sản là có cơ sở cần chấp nhận.

[8] *Các vấn đề khác*:

Đối với anh Trương Duy T, khi bị cáo A S điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến tiệm sửa xe mô tô của anh Tân để sửa xe thì anh T hoàn toàn không biết chiếc xe mô tô trên là do A S trộm cắp được mà có. Vì vậy, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H không xem xét xử lý trách nhiệm đối với Trương Duy T là có căn cứ.

[9] *Về án phí:* Bị cáo A S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A S phạm tội "*Trộm cắp tài sản".*

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **A S** 13 (*Mười ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Hoàn trả lại cho anh A Q 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/02/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A S phải chịu 200.000 đ *(Hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15*(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án *(26/3/2024)* bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh K.T để yêu cầu giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ 1, TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đ. N;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Công an huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Văn N